

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ**

***Báo cáo của Hội đồng Quản trị
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016***



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 2
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó chủ tịch
Ông Phan Châu	Thành viên
Ông Phạm Ngọc An	Thành viên (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông Trần Trường Vũ	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Tăng Kỳ Anh	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Lê Thành Trí	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Triệu Quang Quân	Thành viên (miễn nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Lê Văn Thát	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/4/2016)
Ông Nguyễn Văn Phú	Thành viên (bổ nhiệm ngày 29/4/2016)

2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc An	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
Ông Trần Trường Vũ	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/12/2016)
	Giám đốc dự án (bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Vũ Tuấn Hưng	Giám đốc điều hành (bổ nhiệm ngày 01/01/2017)
Ông Lê Đình Tú	Giám đốc tài chính (bổ nhiệm ngày 01/01/2017)

3. Các đơn vị trực thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh tại TP.HCM	R4 – 25 Hưng Gia 5, phường Tân Phong, quận 7, TP.HCM
	Số 242 Hẻm 25, Đường Võ Thị Sáu, Khu 12, Xã Long Đức, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Đồng Nai	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Các hoạt động chính

Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng); Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31/12/2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 28

6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

10. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với bất kỳ các đối tác nào của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN VĂN DŨNG

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

Số: 158/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2017, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Bảo Thư tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2017

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LƯƠNG NHÂN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0182-2013-042-1

KIỂM TOÁN VIÊN

LÊ ĐÌNH HUYỀN

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2013-042-1



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		50.198.669.126	178.113.092.693
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	2.252.490.219	9.837.279.245
1. Tiền	111		2.252.490.219	9.837.279.245
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		44.718.233.657	152.934.476.721
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	562.843.330	31.110.620.043
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03a	9.010.918.161	14.907.622.282
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	36.560.922.856	105.929.250.935
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.06	(1.416.450.690)	(463.829.000)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	-	1.450.812.461
IV. Hàng tồn kho	140		4.318.107	340.379.834
1. Hàng tồn kho	141		4.318.107	340.379.834
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.223.627.143	15.000.956.893
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.511.091	12.333.334
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		211.339.156	10.618.623.559
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	2.995.776.896	4.370.000.000
B. Tài sản dài hạn	200		692.950.573.744	547.009.405.807
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		115.020.000	10.377.844.655
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.03b	3.054.890.310	13.310.653.310
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	115.020.000	182.661.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.06	(3.054.890.310)	(3.115.469.655)
II. Tài sản cố định	220		1.915.435.843	1.459.159.704
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	1.915.435.843	1.459.159.704
- Nguyên giá	222		3.251.494.945	2.457.917.672
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.336.059.102)	(998.757.968)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		196.280.613.848	229.961.198.827
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	196.280.613.848	229.961.198.827
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		486.144.136.332	296.899.651.794
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.09	489.955.647.848	298.025.405.653
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.09	(3.811.511.516)	(1.125.753.859)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		8.495.367.721	8.311.550.827
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	8.495.367.721	8.311.550.827
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		743.149.242.870	725.122.498.500



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		142.640.582.722	129.148.312.716
I. Nợ ngắn hạn	310		120.832.134.562	122.037.130.637
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	3.221.196.529	17.798.269.718
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	950.845.400	8.273.178.800
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	17.011.393.430	23.740.853.095
4. Phải trả người lao động	314		321.487.149	658.902.580
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	62.958.964.632	56.275.541.983
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	29.683.537.950	13.636.472.461
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	6.684.709.472	1.653.912.000
II. Nợ dài hạn	330		21.808.448.160	7.111.182.079
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	21.808.448.160	7.111.182.079
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.17	600.508.660.148	595.974.185.784
I. Vốn chủ sở hữu	410		600.508.660.148	595.974.185.784
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		576.800.000.000	576.800.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		576.800.000.000	576.800.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.708.660.148	19.174.185.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		19.174.185.685	9.409.298.925
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.534.474.463	9.764.886.859
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		743.149.242.870	725.122.498.500

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu



Lê Văn Thập
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		56.839.761.800	116.710.960.815
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	20.077.265.319
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	56.839.761.800	96.633.695.496
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	46.954.730.707	48.410.033.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.885.031.093	48.223.661.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	4.088.473.876	135.722.481
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	4.317.808.427	2.270.511.790
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.553.283.178	1.144.757.931
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	231.337.441	1.186.476.000
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	7.955.971.481	13.721.468.350
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.468.387.620	31.180.928.269
11. Thu nhập khác	31	VI.07	3.390.214.172	29.938.902
12. Chi phí khác	32	VI.08	169.095.975	16.340.840.941
13. Lợi nhuận khác	40		3.221.118.197	(16.310.902.039)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.689.505.817	14.870.026.230
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	155.031.453	5.105.139.371
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.534.474.364	9.764.886.859

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thị Hương

Người lập biểu



Lê Văn Thập

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng

Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.689.505.817	14.870.026.230
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	337.301.134	664.288.110
Các khoản dự phòng	03	3.577.800.002	4.705.052.514
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(1.428.306)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.088.473.876)	(134.294.175)
Chi phí lãi vay	06	1.553.283.178	1.144.757.931
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	6.069.416.255	21.248.402.304
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	129.368.532.881	21.281.152.524
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	336.061.727	3.205.063.405
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6.516.109.400)	90.856.437.314
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(187.994.651)	(8.316.032.798)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.427.998.778)	(1.397.194.446)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(11.774.928.306)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	127.641.908.034	115.102.899.997
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(6.370.647.489)	(43.608.201.525)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	2.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(152.672.587.000)	(273.650.134.350)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.088.473.876	134.294.175
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(154.954.760.613)	(315.124.041.700)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	216.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	30.588.000.000	2.363.407.648
Tiền trả nợ gốc vay	34	(10.859.936.447)	(9.521.061.648)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	19.728.063.553	208.842.346.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(7.584.789.026)	8.821.204.297
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	9.837.279.245	1.014.646.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.428.306
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	2.252.490.219	9.837.279.245

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu



Lê Văn Thập
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Công nghiệp Bảo Thư ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp với mã số 3400555146 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp lần đầu ngày 29/5/2008 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 17 ngày 02/10/2015.
- Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là BII kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2014 theo Quyết định về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu số 467/QĐ-SGDHN ngày 29/8/2014 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.
- Hình thức sở hữu vốn: Vốn Cổ phần.
- Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 576.800.000.000 đồng.
- Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Bao Thu Industrial Development and Investment Joint Stock Company. Tên viết tắt: BIDICO.
- Trụ sở chính đặt tại: Khu phố 11, phường Bình Tân, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.
- Chi nhánh tại TP.HCM và Chi nhánh Đồng Nai.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Khai thác - sản xuất - thương mại - dịch vụ - xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (khai thác, chế biến khoáng sản); Bốc xếp hàng hóa; Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Bán buôn gạo; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn tổng hợp; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Khai thác gỗ; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cảng biển; Nạo vét, khai thông luồng lạch); Bán buôn cao su, phân bón, hóa chất (trừ bán buôn thuốc BVTV); Bán buôn đá quý, đá bán quý, đá mỹ nghệ; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Cho thuê xe có động cơ; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (XD công trình đường bộ); Xây dựng công trình công ích (XD công trình thủy lợi); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (bán buôn VLXD, vật liệu làm gốm sứ); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Đại lý vận tải biển); Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác (cho thuê MMTB xây dựng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Bán buôn MMTB và phụ tùng máy khác (bán buôn MMTB và phụ tùng máy xe cơ giới; bán buôn thiết bị tàu thuyền); Đóng tàu và cấu kiện nổi (đóng tàu, sửa chữa tàu thuyền); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác; Bán buôn thực phẩm (bán buôn thủy sản); Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác (sản xuất cát, đá); Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự); Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

- Đối với hoạt động xây dựng và cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp: trên 12 tháng
- Đối với hoạt động khác: trong vòng 12 tháng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính đều được đáp ứng.

6. Tổng số công nhân viên

Tổng số lao động đến ngày 31/12/2016: 34 người.

7. Danh sách công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Danh sách các Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	CCN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận	Khai thác, sản xuất, thương mại, và dịch vụ	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Xây dựng, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Thôn Bàu Diên (Cụm CN Thắng Hải), xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	Tầng 18, tòa nhà Pegasus, đường Võ Thị Sáu, phường Quyết Thắng, TP Biên Hòa, Đồng Nai	Dịch vụ	94,34%	94,34%
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Xây dựng, dịch vụ	80,00%	80,00%
- Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	Số 50, đường số 02, KP Hưng Gia 5, phường Tân Phong, Quận 7, TP.HCM	Sản xuất, dịch vụ	52,00%	52,00%
- Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	Cụm CN Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Bình Thuận	Dịch vụ	52,00%	52,00%
- Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Lam Sơn	KCN Phú Mỹ I, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.	Xây dựng, khai thác, dịch vụ	51,00%	51,00%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm: bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới ba tháng, vàng các loại không được sử dụng như hàng tồn kho, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty có nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải thực hiện ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính theo một đơn vị tiền tệ thống nhất là Đồng Việt Nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam được thực hiện như sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Riêng các khoản tiền gửi ngân hàng được đánh giá theo tỷ giá mua của ngân hàng có tài khoản ngoại tệ.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính

3. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

- Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

- Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu.

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán;

- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.

- Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

- Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:
 - + Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.
 - + Giá trị thuần có thể thực hiện được: Là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: bình quân gia quyền.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: kê khai thường xuyên.
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

5. Nguyên tắc ghi nhận và các khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp ... và đổi mới tài sản cố định được tính vào nguyên giá TSCĐ. Chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính.

- | | |
|-------------------------|-------------|
| - Nhà cửa vật kiến trúc | 05 - 10 năm |
| - Phương tiện vận tải | 05 - 08 năm |

6. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước để phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ
- Chi phí quyền KT khoáng sản cát tận thu tại CCN Thắng Hải 2

7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào Công ty con

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các Công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được lập cho từng loại chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

+ Đối với các công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Đối với các công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ 6 trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, thì khoản đầu tư không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với khoản đầu tư tài chính dài hạn: dự phòng được trích lập khi công ty nhận đầu tư đang bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

8. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc không bao gồm các chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến khoản vay. Nợ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê. Công ty trình bày chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính theo kỳ hạn phải trả, các khoản vay và nợ có thời gian trả nợ không quá 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, trường hợp ngược lại thì trình bày vay và nợ thuê tài chính dài hạn

9. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 26%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 22% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ;

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 01 năm được phân loại là nợ ngắn hạn.

Các khoản phải trả có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm phát sinh, trừ các khoản chi phí lãi vay được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản khi đáp ứng đủ các điều kiện vốn hóa. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngưng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng khu công nghiệp được ghi nhận một lần khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Bên đi thuê không có quyền hủy ngang hợp đồng thuê và Công ty cho thuê không có nghĩa vụ phải trả lại số tiền đã nhận trước trong mọi trường hợp và dưới mọi hình thức;
- Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi
- Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê;
- Công ty cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của công ty được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở: Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ; Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập khác: bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến chi phí đi vay vốn, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái, lỗ do trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí nhân viên, chi phí vận chuyển,.....

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

- Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

- Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

19. Bên liên quan

Một bên được xem là có liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng đáng kể tới các hoạt động cũng như tài chính của Công ty. Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các bên liên quan, nếu có, sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	97.652.681	166.421
Tiền gửi ngân hàng	(*) 2.154.837.538	9.837.112.824
Cộng	2.252.490.219	9.837.279.245

(*) Trong đó, số dư các khoản tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 450.96 USD tương đương 10.128.715 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Số cuối năm	Số đầu năm
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	-	28.614.120.000
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	463.829.000	463.829.000
- Phải thu các Bên liên quan		
+ Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	-	1.683.656.713
- Các đối tượng khác	99.014.330	349.014.330
Cộng	562.843.330	31.110.620.043
3. Trả trước cho người bán	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	-	9.947.616.840
- Công ty TNHH DV VT XD Á Châu	4.844.717.211	3.905.512.042
- Công ty TNHH Vận tải và Xây lắp Phan Nguyễn	2.158.700.000	-
- Trả trước nhà cung cấp khác	2.007.500.950	1.054.493.400
Cộng	9.010.918.161	14.907.622.282
b) Dài hạn		
- Trung tâm Quy hoạch và Đầu tư Tài nguyên Nước	1.265.000.000	1.265.000.000
- Công ty TNHH Chế biến Zircon Bình Thuận	-	10.000.000.000
- Công ty TNHH SX TM Hoàng Thông	1.263.192.000	1.263.192.000
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	526.698.310	782.461.310
Cộng	3.054.890.310	13.310.653.310
4. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Phải thu Công ty TNHH Năng lượng Xanh KSA liên quan đến khoản trả trước do không tiếp tục thực hiện hợp đồng	-	15.704.000.000
- Khoản ứng vốn đến Ông Phan Châu liên quan đến tiền mua đất mỏ cát Tân Hà	648.150.000	648.150.000
- Các khoản cho mượn tiền đến các tổ chức	1.996.955.571	2.060.801.033
- Các khoản cho mượn tiền và chi hộ cho các bên liên quan	22.470.202.366	2.217.192.225
- Các khoản cho mượn tiền đến các Cá nhân	333.236.800	209.000.000
- Ký quỹ, đặt cọc ngắn hạn	51.600.000	53.600.000
- Các khoản tạm ứng	8.156.584.119	85.012.287.777
- Phải thu tiền bán cát đến Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bidico (chưa xuất hóa đơn) - Bên liên quan	2.500.994.000	-
- Phải thu khác	403.200.000	24.219.900
Cộng	36.560.922.856	105.929.250.935
b) Dài hạn		
- Ký quỹ, đặt cọc dài hạn	115.020.000	182.661.000
Cộng	115.020.000	182.661.000
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý liên quan đến khu cảng Lagi chưa được tập hợp đầy đủ hóa đơn, chứng từ (Thuyết minh tại mục V.8**)	-	1.450.812.461

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

6. Nợ xấu	Đối tượng nợ	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Các khoản phải thu quá hạn từ 01-02 năm	Công ty CP CN Khoáng sản Bình Thuận	1.537.633.360	-	-	-
	Các đối tượng khác	502.214.330	-	-	-
- Các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	463.829.000	-	463.829.000	-
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên 03 năm	Công ty TNHH SX XD TM Hoàng Thông	1.263.192.000	-	1.263.192.000	-
	Trung tâm QH và ĐT Tài Nguyên Nước	1.265.000.000	-	1.265.000.000	-
	Các đối tượng khác	392.094.000	-	392.094.000	-
- Các khoản trả trước người bán quá hạn trên từ 01-02 năm	Các đối tượng khác	134.604.310	-	390.367.310	-
Cộng		5.558.567.000	-	3.774.482.310	-

Biến động dự phòng phải thu khó đòi:

Số dư đầu năm (01/01/2016)	(3.579.298.655)
Trích lập dự phòng	(1.019.923.845)
Hoàn nhập	97.881.500
Xử lý dự phòng nợ phải thu	30.000.000
Số dư cuối năm (31/12/2016)	(4.471.341.000)

7. Tài sản cố định hữu hình	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	908.444.944	-	-	908.444.944
Phương tiện vận tải	1.549.472.728	793.577.273	-	2.343.050.001
Cộng	2.457.917.672	793.577.273	-	3.251.494.945
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	743.217.311	55.280.617	-	798.497.928
Phương tiện vận tải	255.540.657	282.020.517	-	537.561.174
Cộng	998.757.968	337.301.134	-	1.336.059.102
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	165.227.633			109.947.016
Phương tiện vận tải	1.293.932.071			1.805.488.827
Cộng	1.459.159.704			1.915.435.843

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.805.488.826 đồng được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Tại ngày 31/12/2016, tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 466.200.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà máy Cát	1.111.711.639	-
Cụm công nghiệp Thắng Hải I	(*) 24.633.879.136	64.171.892.648
Cụm công nghiệp Thắng Hải II	(*) 96.065.411.795	95.652.877.965
Cụm công nghiệp Tân Bình	6.454.772.185	3.631.535.154
Khu chuyển tải Lagi - Bình Thuận	(**) 67.934.488.007	66.284.893.060
Chi phí xây dựng khác	80.351.086	220.000.000
Cộng	196.280.613.848	229.961.198.827

(*) Các công trình này đã hoàn thành nhưng chưa kết chuyển tăng tài sản do Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để tiến hành góp vốn vào các dự án của Công ty. Trong năm 2016, Công ty đã góp vốn vào 03 công ty con bằng tiền sử dụng đất và các chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Thắng Hải 1 là 39.259.655.195 đồng.

(**) Bao gồm:	Giá trị ban đầu	Giá trị đã chuyển nhượng	Khấu hao đến 31/12/2016	Giá trị còn lại đến 31/12/2016
Quyền sử dụng đất	9.571.758.800	(7.513.659.992)	(318.262.703)	1.739.836.105
Vật kiến trúc trên đất, bao gồm:				-
- Tài sản khu dịch vụ đất Cảng Lagi	32.033.148.574	-	-	32.033.148.574
- Tài sản khác:				-
+ Liên quan đến Cảng Lagi	32.440.287.867	-	-	32.440.287.867
+ Chi phí không hóa đơn, chứng từ theo qui định	1.450.812.461	-	-	1.450.812.461
- Chi phí xây dựng	270.403.000	-	-	270.403.000
Cộng	75.766.410.702	(7.513.659.992)	(318.262.703)	67.934.488.007

9. Các khoản đầu tư tài chính

	Số đầu năm			Số cuối năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Công ty con	298.025.405.653	296.899.651.794	(1.125.753.859)	489.955.647.848	486.144.136.332	(3.811.511.516)
Cộng	298.025.405.653	296.899.651.794	(1.125.753.859)	489.955.647.848	486.144.136.332	(3.811.511.516)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con	Tỷ lệ	Vốn phải góp	Vốn thực góp tại 31/12/2016	Dự phòng tại ngày 31/12/2016
(*) - Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	100%	99.700.000.000	206.834.154.776	-
- Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	100%	81.000.000.000	81.000.000.000	(209.015.028)
- Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	100%	51.000.000.000	74.819.700.441	(911.166.064)
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	100%	42.000.000.000	70.493.360.781	(568.989.425)
- Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	94%	250.001.000.000	20.249.500.000	(1.063.111.008)
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	80%	24.240.000.000	30.048.931.850	(22.897.965)
- Công ty TNHH Nông sản Việt Xanh	52%	10.400.000.000	100.000.000	(100.000.000)
- Công ty TNHH Vận tải Thắng Hải	52%	4.160.000.000	4.160.000.000	(934.704.932)
- Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Lam Sơn	51%	18.360.000.000	2.250.000.000	(1.627.094)
Cộng			489.955.647.848	(3.811.511.516)

(*) Trong năm chính này, Công ty đã nhận được khoản cổ tức được chia từ khoản đầu tư vào công ty này là 4.083.444.529 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn	16.511.091	12.333.334
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	16.511.091	12.333.334
b) Dài hạn		
- Chi phí liên quan đến mỏ cát trắng Tân Phước chờ phân bổ (*)	7.904.427.072	7.000.060.927
- Chi phí quyền KT khoáng sản cát tận thu tại CCN Thắng Hải 2	590.940.649	1.311.489.900
Cộng	8.495.367.721	8.311.550.827

(*) Bao gồm chi phí ban đầu là 7.000.060.927 đồng và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản còn phân bổ là 904.366.145 đồng. Công ty thực hiện khai thác cát trắng tại xã Tân Phước, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3247/GP-BTNMT ngày 31/12/2014. Thời gian khai thác: 7 năm kể từ ngày cấp Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là 01 năm. Trong năm 2016, Công ty chưa triển khai khai thác do chưa hoàn tất thủ tục pháp lý.

11. Phải trả người bán ngắn hạn	Số đầu năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH MTV CB Cát Bình Thuận - Bên liên quan	178.684.590	178.684.590	15.178.684.590	15.178.684.590
- Công ty TNHH MTV Cát Tường	619.078.389	619.078.389	-	-
- Công ty CP Cơ giới và XL Số 9	342.374.977	342.374.977	-	-
- Công ty TNHH TM VLXD và Xây lắp Kim Châu	1.009.648.134	1.009.648.134	317.263.440	317.263.440
- Các đối tượng khác	1.071.410.439	1.071.410.439	2.302.321.688	2.302.321.688
Cộng	3.221.196.529	3.221.196.529	17.798.269.718	17.798.269.718

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Công nghiệp Khoáng sản Bình Thuận	-	7.885.000.000
- Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Minh Hiền	859.666.600	-
- Các khách hàng khác	91.178.800	388.178.800
Cộng	950.845.400	8.273.178.800

13. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thắng Hải I liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	13.213.829.845	13.213.829.845
- Chi phí thi công CSHT tại KCN Thắng Hải II liên quan đến phần diện tích đã chuyển nhượng	23.779.248.760	23.779.248.760
- Tiền thuê đất CCN Thắng Hải I và II phải trả	19.167.940.078	19.167.940.078
- Chi phí lãi vay phải trả	130.000.000	4.715.600
- Chi phí dịch vụ phải trả khác	6.667.945.949	109.807.700
Cộng	62.958.964.632	56.275.541.983

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	7.439.155.511	(6.373.645.420)	-	1.065.510.091
- Thuế TNDN	6.692.397.726	155.031.453	3.370.000.000	3.477.429.179
- Thuế TNDN của các năm trước	1.301.694.182	(1.301.694.182)	-	-
- Thuế TNCN	77.524.645	84.605.076	39.190.000	122.939.721
- Tiền thuê đất	561.029.480	(377.754.454)	-	183.275.026
- Thuế tài nguyên	1.836.900.830	888.781.425	-	2.725.682.255
- Thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
- Các khoản tiền phạt thuế	5.832.150.721	3.604.406.437	-	9.436.557.158
Cộng	23.740.853.095	(3.315.269.665)	3.414.190.000	17.011.393.430
b) Phải thu				
- Thuế GTGT nộp thừa tại Chi nhánh	-	-	1.995.776.896	1.995.776.896
- Ứng tiền làm cơ sở hạ tầng	3.370.000.000	3.370.000.000	-	-
- Ứng tiền thi công hệ thống đèn chiếu sáng và hệ thống thoát nước ngoài hàng rào KCN Thăng Hải	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Cộng	4.370.000.000	3.370.000.000	1.995.776.896	2.995.776.896

- Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	171.551.781	-
- Bảo hiểm bắt buộc phải nộp	141.640.257	-
- Phải trả Công ty CP SX XNK Ánh Lửa Việt	100.000.000	100.000.000
- Thuế GTGT phải nộp bổ sung liên quan đến phần diện tích đất đã cho thuê tại KCN Thăng Hải I và Thăng Hải II	1.793.041.952	8.096.975.666
- Phải trả đến các bên liên quan		
+ Bà Nguyễn Thị Mai	696.101.911	2.287.923.537
+ Công ty TNHH MTV VLXD Bidico	20.000.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Vận tải Thăng Hải	3.292.000.000	-
- Phải trả tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	465.886.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.023.316.049	3.151.573.258
Cộng	29.683.537.950	13.636.472.461

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

16. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
- VP Bank (a)	303.200.000	-	119.240.000	183.960.000
- HD Bank	8.003.894.079	-	8.003.894.079	-
- Eximbank (b)	458.000.000	-	110.400.000	347.600.000
- SCbank (c)	-	30.588.000.000	2.626.402.368	27.961.597.632
- Nợ dài hạn đến hạn trả	(1.653.912.000)			(6.684.709.472)
Cộng	7.111.182.079	30.588.000.000	10.859.936.447	21.808.448.160

(a): Vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng Tín dụng số SME/HCM/14/0134/HĐTD ngày 07/4/2014 với số tiền vay là 520.000.000 đồng. Thời hạn vay là 48 tháng (đến ngày 07/4/2018). Mục đích vay: thanh toán tiền mua xe Ford Everest. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là: 13,55%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2016 là **183.960.000 đồng**, trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là: 140.920.000 đồng.

(b): Vay từ Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam - Chi nhánh HCM theo Hợp đồng Tín dụng số 2000-LAV-201500479 ngày 02/02/2015 với số tiền vay là 550 triệu đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,50%/năm. Mục đích vay đầu tư mua xe ô tô Ford Everest. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **347.000.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 110.400.000 đồng.

(c): Vay từ Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Gia Định theo các hợp đồng:

- Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 338/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 03/8/2016 với số tiền vay là 588.000.000 đồng. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 11%/năm. Mục đích vay là thanh toán tiền mua xe Mitsubishi Pajero. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay. Nợ gốc được trả hàng tháng. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **548.800.000 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 117.600.000 đồng.

- Hợp đồng Tín dụng trung dài hạn số 182/HĐTD-SCB-CNGĐ.16 ngày 06/5/2016 và 6 phụ lục bổ sung với số tiền được vay là 30 tỷ đồng. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất vay tại ngày 31/12/2016 là 10,60%/năm. Mục đích vay hoàn lại phần vốn tự có mà Công ty CP Đầu tư & Phát triển CN Bảo Thư đã sử dụng để đầu tư dự án "Nhà máy Chế biến Cát Bình Thuận" tại Lô A1, Cụm Công nghiệp Thắng Hải, xã Thắng Hải, huyện Hàm Tân, Tỉnh Bình Thuận. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba. Nợ gốc được trả hàng Quý. Số dư nợ vay đến 31/12/2016 là **27.412.797.632 đồng**. Trong đó, khoản nợ vay dài hạn đến hạn trả là 6.315.789.472 đồng.

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2015	Tăng	Giảm	31/12/2015
Vốn góp của chủ sở hữu	328.000.000.000	248.800.000.000	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	42.209.298.924	9.764.886.860	32.800.000.000	19.174.185.784
Cộng	370.209.298.924	258.564.886.860	32.800.000.000	595.974.185.784
	01/01/2016	Tăng	Giảm	31/12/2016
Vốn góp của chủ sở hữu	576.800.000.000	-	-	576.800.000.000
LNST chưa phân phối	19.174.185.784	4.534.474.364	-	23.708.660.148
Cộng	595.974.185.784	4.534.474.364	-	600.508.660.148

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

b) Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	57.680.000	57.680.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu phổ thông	57.680.000	57.680.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp
20. Ngoại tệ các loại:	Số cuối năm	Số đầu năm
- USD	450,96	455,34
- Nợ khó đòi đã xử lý	1.494.533.208	1.434.533.208

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	56.839.761.800	53.059.610.040
- Doanh thu hoạt động cho thuê đất	-	63.651.350.775
Cộng doanh thu	56.839.761.800	116.710.960.815
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Hàng bán bị trả lại (thanh lý hợp đồng cho thuê đất)	-	(20.077.265.319)
Cộng	56.839.761.800	96.633.695.496
b) Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm nay	Năm trước
- Công ty TNHH MTV CB Cát Bình Thuận	11.896.994.000	3.889.597.012
Cộng	11.896.994.000	3.889.597.012
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	46.954.730.707	37.585.268.346
- Giá vốn của hoạt động cho thuê đất	-	22.871.124.414
- Giá vốn hàng bán bị trả lại	-	(12.046.359.192)
Cộng	46.954.730.707	48.410.033.568
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi ngân hàng	5.029.347	14.294.175
- Lãi cho vay	-	120.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.083.444.529	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.428.306
Cộng	4.088.473.876	135.722.481

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THU

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Năm nay	Năm trước
4. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	1.553.283.178	1.144.757.931
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	25.146	-
- Dự phòng giảm giá đầu tư vào các công ty con	2.685.757.657	1.125.753.859
- Chi phí tài chính khác	78.742.446	-
Cộng	4.317.808.427	2.270.511.790
5. Chi phí bán hàng		
- Chi phí vận chuyển	178.681.691	1.167.726.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	35.000.000	-
- Chi phí bằng tiền khác	17.655.750	18.750.000
Cộng	231.337.441	1.186.476.000
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	3.135.803.799	2.758.684.966
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	70.336.080	94.013.610
- Chi phí khấu hao TSCĐ	358.518.647	509.496.445
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	922.042.345	3.579.298.655
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.274.966.713	5.158.185.209
- Chi phí bằng tiền khác	1.194.303.897	1.621.789.465
Cộng	7.955.971.481	13.721.468.350
7. Thu nhập khác		
- Thu nhập từ xử lý chênh lệch về thuế phải nộp các năm trước	2.925.877.506	-
- Thu nhập từ xử lý các khoản công nợ không phải trả	462.569.064	-
- Thu nhập khác	1.767.602	29.938.902
Cộng	3.390.214.172	29.938.902
8. Chi phí khác		
- Tiền thuê đất Cảng Lagi từ năm 2009 đến 31/12/2015	-	275.827.675
- Giảm doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng năm 2013	-	3.092.578.876
- Chi phí phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính	6.550.072	1.295.745.616
- Giảm thuế GTGT đầu vào được khấu trừ	-	46.770.105
- Xử lý công nợ tồn đọng, không có khả năng thu hồi	111.400.000	1.434.533.208
- Chi phí vận chuyển liên quan đến cát xây dựng đã bán trong năm 2012	-	5.213.894.400
- Chi phí mỏ cát Tân Hà không còn thực hiện	-	4.687.046.377
- Chi phí phát sinh tại xưởng chế biến Đá Thạch Anh	-	189.873.339
- Chi phí khác	51.145.903	104.571.345
Cộng	169.095.975	16.340.840.941

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.689.505.817	14.870.026.230
- Các khoản chi phí không được trừ	169.095.975	8.335.152.727
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.083.444.529)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính	775.157.263	23.205.178.957
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Thuế TNDN phải nộp ước tính	155.031.453	5.105.139.371

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	70.336.080	94.013.610
- Chi phí nhân công	3.135.803.799	2.758.684.966
- Chi phí khấu hao	358.518.647	664.288.110
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.488.648.404	6.325.911.208
- Chi phí khác	2.134.001.992	1.621.789.465
Cộng	8.187.308.922	11.464.687.359

VII. Những thông tin khác

1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

2. Cam kết khác

Công ty cam kết thực hiện các thủ tục pháp lý cần thiết để chuyển quyền sử dụng đất tại khu chuyển tải Lagi đến công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất Động sản Bình Thuận liên quan đến 35.000 m2 đất đã chuyển nhượng trong năm 2010.

3. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	Công ty con	Bán hàng hóa	11.896.994.000
		Góp vốn bằng tài sản	11.404.534.373
		Nhận cung cấp dịch vụ	(5.684.641.800)
Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Công ty con	Góp vốn bằng tài sản	7.302.031.441
Công ty TNHH Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Công ty con	Góp vốn bằng tài sản	20.551.089.381
Ban Điều hành		Thu nhập	(686.382.979)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THƯ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
- Công ty TNHH MTV Chế biến Cát Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	13.786.313.756
		Phải trả người bán	(178.684.590)
		Chi phí phải trả	(5.684.641.800)
- Công ty TNHH MTV BĐS và XD Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	211.145.771
- Công ty TNHH MTV VLXD BIDICO	Công ty con	Phải thu khác	2.857.138.170
		Phải trả khác	(20.000.000.000)
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Gỗ Bình Thuận	Công ty con	Phải thu khác	3.467.041.650
- Công ty TNHH Địa ốc Tân Bửu	Công ty con	Phải thu khác	1.474.631.147
- Công ty TNHH Đầu tư Bảo Thư Gò Dầu	Công ty con	Phải thu khác	12.089.000
- Nguyễn Thị Mai	Nhà đầu tư	Phải trả khác	(696.101.911)
		Phải trả khác	(3.292.000.000)
- Công ty TNHH Vận tải Thăng Hải	Công ty con	Phải trả khác	3.160.446.872
		Phải thu khác	2.390.000
- Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Lam Sơn	Công ty con	Phải thu khác	

4. Quản lý rủi ro tài chính

4.1 Rủi ro thị trường

a. Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

b. Rủi ro tiền tệ

- Công ty không chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam.

c. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay của Công ty. Ảnh hưởng lãi(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Công ty do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là (569.863.153) đồng.

Công ty quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4.2 Rủi ro thanh toán

Rủi ro thanh toán là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

Tại ngày 31/12/2016	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Cộng
- Các khoản vay và nợ thuê tài chính	6.684.709.472	21.808.448.160	28.493.157.632
- Phải trả người bán	3.221.196.529	-	3.221.196.529
- Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	92.642.502.582	-	92.642.502.582
Cộng	102.548.408.583	21.808.448.160	124.356.856.743

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là không cao. Công ty tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình cho các khoản vay của Công ty tại ngân hàng (thuyết minh tại mục số 7 và 16 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính).

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

	Giá trị sổ sách	So sánh với giá thị trường		Giá trị hợp lý	Đơn vị tính: 1.000 đồng
		Tăng	Giảm		Dự phòng
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (*)	489.955.648	-	(3.811.512)	486.144.136	(3.811.512)
Cộng	489.955.648	-	(3.811.512)	486.144.136	(3.811.512)

(*) Bao gồm cả khoản đầu tư vào công ty con.

4.3 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro Công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

Phải thu khách hàng và phải thu khác

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban Điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP BẢO THỦ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

Số dư ngân hàng

Công ty có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban Điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị

Tiền gửi Ngân hàng là các khoản tiền gửi ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác của Công ty không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là 43.746.027.657 đồng Việt Nam.

Tài sản tài chính quá hạn và / hoặc suy giảm giá trị

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

Giá trị ghi sổ	31/12/2016
Tổng gộp	5.558.567.000
Trừ dự phòng giảm giá trị	(4.471.341.000)
Giá trị thuần của khoản phải thu này	1.087.226.000



Nguyễn Thị Hương
Người lập biểu



Lê Văn Thập
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Hoàng
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2017

